

## **PHẦN 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU**

### **CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU**

#### **I. Giới thiệu:**

##### **1. Giới thiệu về dự toán:**

- Tên dự toán: Xây dựng Đề án thực hiện các biện pháp lâm sinh nhằm phục hồi, nâng cao chất lượng rừng và phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2026–2030 trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

- Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và Môi trường;

- Nguồn vốn: Kinh phí không giao tự chủ năm 2026 được bố trí cho Sở Nông nghiệp và Môi trường (giao tại Quyết định 555/QĐ-SNNMT.KHTC ngày 02/7/2026);

##### **2. Giới thiệu về gói thầu:**

- Tên gói thầu: Xây dựng Đề án thực hiện các biện pháp lâm sinh nhằm phục hồi, nâng cao chất lượng rừng và phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2026–2030 trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

- Giá gói thầu: 2.240.508.434 đồng;

- Thời gian tổ chức LCNT: 45 ngày;

- Thời gian bắt đầu tổ chức LCNT: Tháng 7 năm 2026;

- Thời gian thực hiện gói thầu: 4 tháng.

- Loại hợp đồng: Trọn gói.

##### **1.2. Mô tả mục đích tuyển chọn nhà thầu:**

Lựa chọn nhà thầu có năng lực thực hiện Gói thầu: Xây dựng Đề án thực hiện các biện pháp lâm sinh nhằm phục hồi, nâng cao chất lượng rừng và phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2026–2030 trên địa bàn tỉnh Nghệ An, cụ thể:

##### ***a) Mục tiêu***

Xây dựng Đề án thực hiện các biện pháp lâm sinh nhằm phục hồi, nâng cao chất lượng rừng và phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2026–2030 trên địa bàn tỉnh Nghệ An trên cơ sở rà soát hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp, xác định các khu vực có tính khả thi để triển khai các biện pháp lâm sinh, điều tra, đánh giá chi tiết các diện tích được lựa chọn và xây dựng phương án kỹ thuật, danh mục đầu tư nhằm phục hồi, nâng cao chất lượng rừng và phát triển lâm nghiệp bền vững trên địa bàn tỉnh.

##### ***b) Yêu cầu***

- Việc rà soát, điều tra, đánh giá và xây dựng Đề án phải tuân thủ quy định của pháp luật về lâm nghiệp, đất đai và các quy định hiện hành về biện pháp lâm sinh; bảo đảm tính khoa học, khách quan, đồng bộ, công khai và phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh Nghệ An.

- Việc lựa chọn diện tích đưa vào Đề án phải bảo đảm đúng đối tượng, đúng tiêu chí kỹ thuật của từng biện pháp lâm sinh theo quy định hiện hành; ưu tiên các

khu vực có hiện trạng phù hợp, chủ quản lý rõ ràng, không có tranh chấp, thuận lợi cho tổ chức thực hiện và có khả năng huy động nguồn lực đầu tư.

- Kết quả điều tra phải phản ánh đầy đủ hiện trạng rừng, đất lâm nghiệp, khả năng tái sinh, hiện trạng quản lý và các yếu tố cần thiết để xác định biện pháp lâm sinh phù hợp đối với từng khu vực.

- Đề án phải xây dựng được phương án kỹ thuật cụ thể đối với từng khu vực được lựa chọn, bao gồm biện pháp lâm sinh áp dụng, yêu cầu kỹ thuật, nhu cầu đầu tư, lộ trình thực hiện, giải pháp quản lý, bảo vệ và chăm sóc sau đầu tư, bảo đảm tính khả thi và hiệu quả của từng phương án.

- Nội dung Đề án phải bảo đảm tính thống nhất với các quy hoạch, chiến lược, chương trình và kế hoạch phát triển lâm nghiệp của Trung ương và của tỉnh; đồng thời đáp ứng yêu cầu huy động, lồng ghép các nguồn lực để triển khai hiệu quả các hoạt động phục hồi, nâng cao chất lượng rừng và phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2026–2030.

- Các sản phẩm của nhiệm vụ phải bảo đảm chất lượng, tiến độ, tính đồng bộ và khả năng ứng dụng cao; là căn cứ để cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt Đề án và tổ chức triển khai thực hiện các biện pháp lâm sinh trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

## **II. Phạm vi công việc:**

### **2.1. Phạm vi công việc đối với nhà thầu, nguồn vốn, tên cơ quan thực hiện dự án, thời gian, tiến độ thực hiện.**

#### ***a) Phạm vi công việc đối với nhà thầu***

Đề án được triển khai trên phạm vi toàn tỉnh Nghệ An, tập trung rà soát, điều tra, đánh giá các diện tích rừng và đất lâm nghiệp có tiềm năng phục hồi, phát triển rừng theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp và các quy định về biện pháp lâm sinh.

*\* Phạm vi rà soát ban đầu là 551.101 ha, bao gồm:*

- 340.234 ha rừng tự nhiên nghèo và rừng tự nhiên nghèo kiệt, rừng chưa có trữ lượng thuộc các loại rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất, được rà soát để đánh giá khả năng áp dụng các biện pháp nuôi dưỡng rừng và làm giàu rừng theo quy định hiện hành.

- 59.867 ha đất có cây gỗ tái sinh chưa đạt tiêu chí thành rừng, được rà soát nhằm đánh giá khả năng áp dụng các biện pháp khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên hoặc khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung.

- 151.000 ha đất chưa có rừng thuộc quy hoạch lâm nghiệp, được rà soát, xác minh hiện trạng sử dụng đất, điều kiện lập địa, hiện trạng quản lý và khả năng tổ chức thực hiện để xác định các khu vực đủ điều kiện trồng mới rừng.

*b) Rà soát, đánh giá các quy hoạch, đề án, chương trình, phương án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt có liên quan đến thực hiện các biện pháp lâm sinh trên địa bàn tỉnh; đánh giá mức độ phù hợp, hiệu quả thực hiện, đề xuất điều chỉnh, bổ sung và lồng ghép để bảo đảm đồng bộ, thống nhất trong tổ chức thực hiện.*

### **2.2.2. Đối tượng:**

Đối tượng rà soát, điều tra và đánh giá của Đề án bao gồm:

- Diện tích rừng tự nhiên nghèo, rừng tự nhiên nghèo kiệt và đất chưa có rừng thuộc quy hoạch lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Nghệ An.
- Các diện tích đất có cây gỗ tái sinh chưa đạt tiêu chí thành rừng có khả năng áp dụng các biện pháp khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên hoặc khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung theo quy định.
- Các diện tích rừng tự nhiên đáp ứng điều kiện áp dụng các biện pháp nuôi dưỡng rừng, làm giàu rừng theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
- Các khu vực đất chưa có rừng đáp ứng điều kiện thực hiện trồng mới rừng nhằm phát triển rừng, nâng cao độ che phủ và hiệu quả sử dụng đất lâm nghiệp.
- Hiện trạng tài nguyên rừng, chất lượng rừng, cấu trúc rừng, trữ lượng, mật độ cây gỗ, khả năng tái sinh tự nhiên, điều kiện lập địa, hiện trạng sử dụng đất, chủ quản lý và các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng phục hồi, phát triển rừng.
- Một số mô hình, biện pháp lâm sinh đã thực hiện trên địa bàn thông qua các chương trình, đề án, dự án khác để đánh giá mức độ phù hợp và triển khai cho giai đoạn tới.
- Các chủ rừng là tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, doanh nghiệp, Ban quản lý rừng đặc dụng, Ban quản lý rừng phòng hộ và các chủ rừng khác được Nhà nước giao quản lý rừng và đất lâm nghiệp theo quy định của Luật Lâm nghiệp.

Đối tượng cuối cùng của Đề án là lựa chọn khoảng 10.000 ha đáp ứng đầy đủ các tiêu chí kỹ thuật, pháp lý và khả năng tổ chức thực hiện để đầu tư phát triển rừng trong giai đoạn 2026–2030, trong đó dự kiến khoảng 2.000 ha trồng mới rừng và khoảng 8.000 ha áp dụng các biện pháp lâm sinh, gồm khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung, làm giàu rừng và nuôi dưỡng rừng.

**2.1.2. Nguồn vốn:** Nguồn kinh phí không giao tự chủ.

**2.1.3. Tên cơ quan thực hiện:** Sở Nông nghiệp và Môi trường.

**2.1.4. Thời gian, tiến độ thực hiện:** Năm 2026-2027.

## **2.2. Các nhiệm vụ cụ thể do nhà thầu phải tiến hành trong thời gian thực hiện gói thầu tư vấn**

a) Điều tra, đánh giá hiện trạng chất lượng rừng tự nhiên và diện tích đất lâm nghiệp chưa có rừng; phân loại các đối tượng rừng theo hiện trạng, mức độ suy thoái, khả năng phục hồi và tiềm năng phát triển nhằm làm cơ sở đề xuất các giải pháp lâm sinh phù hợp

- Thu thập, tổng hợp hồ sơ, tài liệu, bản đồ và cơ sở dữ liệu về hiện trạng rừng, đất lâm nghiệp, hiện trạng sử dụng đất và các tài liệu có liên quan trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

- Rà soát 551.101 ha rừng và đất lâm nghiệp có tiềm năng thực hiện các biện pháp lâm sinh, gồm 340.234 ha rừng tự nhiên nghèo và nghèo kiệt, 59.867 ha đất

có cây gỗ tái sinh chưa đạt tiêu chí thành rừng và 151.000 ha đất chưa có rừng thuộc quy hoạch lâm nghiệp.

- Phối hợp với các chủ rừng, chính quyền địa phương và các đơn vị liên quan rà soát hiện trạng quản lý, sử dụng đất; đánh giá tính khả thi và lựa chọn khoảng 10.000 ha đủ điều kiện để điều tra chi tiết.

- Điều tra, khảo sát thực địa đối với diện tích được lựa chọn; đánh giá hiện trạng rừng, chất lượng rừng, cấu trúc lâm phần, khả năng tái sinh, điều kiện lập địa, hiện trạng sử dụng đất và các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng áp dụng các biện pháp lâm sinh.

- Phân loại các đối tượng theo tiêu chí kỹ thuật của từng biện pháp lâm sinh, làm cơ sở xác định đối tượng và xây dựng phương án thực hiện Đề án.

b) Rà soát, đánh giá các quy hoạch, đề án, chương trình, phương án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt có liên quan đến thực hiện các biện pháp lâm sinh trên địa bàn tỉnh; đánh giá mức độ phù hợp, hiệu quả thực hiện, đề xuất điều chỉnh, bổ sung và lồng ghép để bảo đảm đồng bộ, thống nhất trong tổ chức thực hiện

- Thu thập, rà soát các quy hoạch, đề án, chương trình, dự án, phương án quản lý rừng bền vững và các văn bản có liên quan đến bảo vệ, phát triển rừng trên địa bàn tỉnh.

- Đánh giá mức độ phù hợp của các quy hoạch, đề án, chương trình và dự án đã được phê duyệt với hiện trạng tài nguyên rừng, định hướng phát triển lâm nghiệp và mục tiêu của Đề án.

- Điều tra, đánh giá kết quả thực hiện các mô hình, biện pháp lâm sinh đã triển khai trên địa bàn tỉnh thông qua các chương trình, đề án và dự án; đánh giá hiệu quả về kỹ thuật, khả năng phục hồi và nâng cao chất lượng rừng, hiệu quả đầu tư, công tác quản lý, bảo vệ sau đầu tư và khả năng nhân rộng.

- Phân tích những thuận lợi, khó khăn, tồn tại, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm trong quá trình triển khai các mô hình, biện pháp lâm sinh; đánh giá mức độ phù hợp của từng biện pháp đối với từng trạng thái rừng, điều kiện lập địa và vùng sinh thái.

- Đề xuất kế thừa, điều chỉnh, bổ sung và lồng ghép các chương trình, dự án, mô hình đã triển khai nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư và bảo đảm tính thống nhất trong tổ chức thực hiện Đề án.

- Lựa chọn các mô hình và biện pháp lâm sinh có hiệu quả để làm cơ sở xây dựng phương án kỹ thuật áp dụng đối với các khu vực được lựa chọn trong Đề án.

c) Xác định các khu vực ưu tiên thực hiện các biện pháp lâm sinh; xây dựng bản đồ phân vùng và xác định cụ thể đối tượng, diện tích, vị trí thực hiện theo từng địa phương, từng chủ rừng và từng giai đoạn

- Xây dựng bộ tiêu chí xác định đối tượng và thứ tự ưu tiên thực hiện các biện pháp lâm sinh.

- Lựa chọn khoảng 10.000 ha đủ điều kiện thực hiện trong giai đoạn 2026–2030 trên cơ sở kết quả rà soát và điều tra chi tiết.

- Xác định cụ thể vị trí, diện tích, hiện trạng rừng, chủ rừng, tiểu khu, khoảnh, lô và đối tượng áp dụng biện pháp lâm sinh đối với từng khu vực.

- Phân loại diện tích theo từng nhóm biện pháp lâm sinh và từng giai đoạn thực hiện.

- Xây dựng bản đồ hiện trạng, bản đồ phân vùng ưu tiên và cơ sở dữ liệu GIS phục vụ quản lý, theo dõi và tổ chức thực hiện Đề án..

d) Xây dựng phương án thực hiện các biện pháp lâm sinh phù hợp đối với từng loại rừng và điều kiện lập địa

- Phân loại diện tích được lựa chọn theo từng biện pháp lâm sinh trên cơ sở kết quả điều tra chi tiết.

- Xác định khoảng 2.000 ha thực hiện trồng mới rừng và khoảng 8.000 ha thực hiện các biện pháp khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung, làm giàu rừng và nuôi dưỡng rừng theo quy định hiện hành.

- Xây dựng phương án kỹ thuật đối với từng khu vực và từng biện pháp lâm sinh, bao gồm mục tiêu, nội dung thực hiện, quy trình kỹ thuật, yêu cầu về giống, mật độ, biện pháp tác động lâm sinh, quản lý, bảo vệ và chăm sóc sau đầu tư.

- Xây dựng danh mục đầu tư chi tiết theo từng địa phương, từng chủ rừng và từng biện pháp lâm sinh làm cơ sở triển khai thực hiện giai đoạn 2026–2030.

e) Xác định nhu cầu nguồn lực, xây dựng kế hoạch phân kỳ thực hiện giai đoạn 2026–2030; đề xuất phương án huy động, lồng ghép và sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí trồng rừng thay thế, dịch vụ môi trường rừng, ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện Đề án

- Xác định nhu cầu kinh phí thực hiện đối với từng nhóm biện pháp lâm sinh, từng địa phương và từng năm thực hiện.

- Xây dựng kế hoạch phân kỳ thực hiện giai đoạn 2026–2030 phù hợp với khả năng huy động nguồn lực.

- Xác định cơ cấu nguồn vốn thực hiện, bao gồm nguồn kinh phí trồng rừng thay thế, ngân sách nhà nước, nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng và các nguồn vốn hợp pháp khác.

- Đề xuất phương án huy động, lồng ghép và sử dụng hiệu quả các nguồn lực nhằm bảo đảm tính khả thi và hiệu quả của Đề án..

g) Xây dựng cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu và đánh giá kết quả thực hiện Đề án

- Xác định trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền địa phương, chủ rừng và các đơn vị có liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện Đề án.

- Xây dựng cơ chế phối hợp giữa các cấp, các ngành và các chủ rừng trong quá trình triển khai thực hiện.

- Xây dựng quy trình kiểm tra, giám sát, nghiệm thu và đánh giá kết quả thực hiện các biện pháp lâm sinh.

- Xây dựng hệ thống theo dõi, cập nhật và quản lý cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện Đề án.

**2.3. Dự kiến thời gian chuyên gia bắt đầu thực hiện DVTV:** ngay sau khi ký Hợp đồng giữa 2 bên.

### **III. Báo cáo và thời gian thực hiện:**

#### **3.1. Các báo cáo gồm:**

Các sản phẩm của nhiệm vụ bảo đảm đầy đủ điều kiện pháp lý, kỹ thuật và khoa học để trình Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt, bao gồm các nhóm sản phẩm sau:

a) Báo cáo Đề án và Hồ sơ kèm theo

Báo cáo: Đề án thực hiện các biện pháp lâm sinh nhằm phục hồi, nâng cao chất lượng rừng và phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2026–2030 trên địa bàn tỉnh Nghệ An

Báo cáo kèm theo hệ thống biểu mẫu, bảng tổng hợp số liệu, phụ lục và các tài liệu minh chứng liên quan, phản ánh đầy đủ, khách quan kết quả thực hiện nhiệm vụ theo đề cương kỹ thuật được phê duyệt.

Hồ sơ kèm theo: Dự thảo tờ trình, dự thảo Quyết định phê duyệt Đề án và báo cáo giải trình, tiếp thu và hoàn thiện Đề án (nếu có)

b) Bản đồ và cơ sở dữ liệu (bản số và bản in)

Bản đồ phân vùng ưu tiên thực hiện các biện pháp lâm sinh cấp tỉnh tỷ lệ 1/100.000, bản giấy: 05 bộ; Bản số: Dạng GIS, sử dụng Hệ quy chiếu và Hệ tọa độ quốc gia VN-2000, định dạng .tab; 01 file/tỉnh.

Bản đồ được xây dựng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11565:2016; Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; và “Sổ tay hướng dẫn kỹ thuật Điều tra rừng” ban hành kèm theo Quyết định số 145/QĐ-KL-CĐS ngày 18/6/2024 của Cục Kiểm lâm.

c) Đĩa CD lưu trữ hệ thống cơ sở dữ liệu gồm báo cáo, bảng biểu dữ liệu kèm theo: 05 đĩa.

**3.2. Thời gian thực hiện: 04 tháng.**

### **IV. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu:**

Quy định chi tiết tại Chương III – Tiêu chuẩn đánh giá E-HSĐT của E-HSMT này.

### **V. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:**

Chủ đầu tư sẽ cung cấp những tài liệu có liên quan đến nhiệm vụ của tư vấn (nếu có) nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho nhà thầu thực hiện nhiệm vụ của mình;

Chủ đầu tư sẽ tiến hành tổ chức một số cuộc hội thảo, khảo sát để phục vụ xây dựng, lấy ý kiến hoàn thiện sản phẩm do bên tư vấn cung cấp. Nhà thầu có trách nhiệm trình bày sản phẩm tại Hội thảo, tiếp thu, chỉnh sửa sản phẩm theo góp ý tại hội thảo. Kinh phí tổ chức các cuộc hội thảo không nằm trong phạm vi kinh phí thực hiện gói thầu này.